

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25/6/2019

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị An

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1, Ông Đinh Quốc Việt

2, Ông Vũ Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lô Thị Lệ Hoài – Thư ký TAND huyện Đồng Hỷ

- Đại diện VKSND huyện Đồng Hỷ không tham gia phiên tòa

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 87/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự :

+ **Nguyên đơn: Chị Lý Thị C** – sinh năm 1987

HKTT: Xóm LT, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN

(có mặt tại phiên tòa)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn

Công Q – Văn phòng Luật sư AT, Đoàn Luật sư tỉnh TN

(có mặt tại phiên tòa)

+ **Bị đơn: Anh Nông Văn T** – sinh năm 1987

HKTT: Xóm LT, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN

(có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 10/4/2019, bản tự khai ngày 24/4/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lý Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T kết hôn tự nguyện năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xóm LT, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng chỉ hạnh phúc trong thời gian đầu cho đến khi chị mang bầu thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm và sau khi chị sinh con thì anh T không quan tâm đến vợ con. Đến năm 2017, mâu thuẫn càng tăng nên vợ chồng

sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian qua, chị và anh T đã từng có lần nói chuyện thẳng thắn với nhau về việc khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng sau đó tình trạng hôn nhân vẫn không thể cải thiện. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nông Minh C, sinh ngày 30/9/2016. Khi ly hôn, chị xin được quyền nuôi con, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Chị có đủ điều kiện về mọi mặt để nuôi con. Còn việc yêu cầu anh T cấp dưỡng là chị muốn để anh T có trách nhiệm với con. Tại phiên tòa, chị nhất trí mức cấp dưỡng nuôi con mà anh T đưa ra là 1.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị xác định không có

Bị đơn anh Nông Văn T có lời khai phù hợp với nguyên đơn về việc kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Về tình trạng hôn nhân, anh thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng nguyên nhân là do bất đồng trong việc chị C muốn đưa con về thành phố SC sinh sống để mở quầy bán quần áo, còn anh không đồng ý. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không cùng quan điểm sống thì nên giải thoát cho nhau, anh hoàn toàn nhất trí ly hôn với chị C.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung như chị C trình bày. Khi ly hôn, anh xin được nuôi con vì con ở với anh và ông bà nội từ năm 2017. Anh muốn con được ổn định, không muốn phải thay đổi hoàn cảnh sống của con vì điều kiện sinh hoạt và chỗ ở của gia đình anh hiện tốt hơn so với chị C. Nếu được quyền nuôi con, anh không yêu cầu chị C cấp dưỡng. Trường hợp anh không được quyền nuôi con, anh đồng ý cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000đ.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh cũng xác định không có

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu xin ly hôn của chị C theo quy định của pháp luật. Về con chung: Đề nghị giao con chung cho chị C nuôi dưỡng và xem xét việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.] **Về tố tụng:** Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Trong vụ án này, bị đơn thường trú tại xóm LT, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.] **Về nội dung:** Chị Lý Thị C và anh Nông Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về tình trạng hôn nhân, căn cứ lời khai của các bên đương sự, có cơ sở xác định: Chị C và anh T đã chung sống vui vẻ, hạnh phúc trong những năm đầu, sau đó vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2017, do mâu thuẫn căng thẳng, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn. Tại phiên tòa, chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, anh T cũng nhất trí nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

Về con chung: Vợ chồng chị C, anh T có 01 con chung là Nông Minh C, sinh ngày 30/9/2016. Chị C và anh T đều có nguyện vọng được nuôi con. Phía anh T cho rằng con đã ở với anh từ năm 2017 cho đến nay, anh muốn để con ổn định cuộc sống, không muốn thay đổi hoàn cảnh vì điều kiện chỗ ở của chị C không tốt như điều kiện của gia đình anh. Hội đồng xét xử thấy rằng, nguyện vọng nuôi con của chị C và anh T đều là chính đáng. Tuy nhiên, hiện nay con chung của chị C và anh T chưa đủ 36 tháng tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014, *“con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Trong trường hợp này, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giao con cho bố hoặc mẹ nuôi dưỡng. Phía chị C xác định có đủ điều kiện về mọi mặt để nuôi con. Phía anh T đưa ra lý do về điều kiện sống của gia đình anh tốt hơn chị C là không phù hợp với quy định nêu trên của pháp luật. Do vậy, cần giao con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị C yêu cầu anh T cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, anh T xác định nếu anh không được quyền nuôi con thì anh đồng ý mức cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng, chị C cũng nhất trí nên có căn cứ chấp nhận mức cấp dưỡng này. Vì lợi ích của con, sau khi ly hôn, các đương sự có quyền thỏa thuận hoặc có quyền khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc về việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con nếu thấy cần thiết. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị C phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh T phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lý Thị C và anh Nông Văn T.

2. Về con chung: Chị C và anh T có 01 con chung là Nông Minh C, sinh ngày 30/9/2016. Giao con chung Nông Minh C cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ(một triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T không thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Mức lãi suất do các đương sự thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền chậm thi hành. Trường hợp không thỏa thuận được thì lãi suất được xác định bằng 50% của mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị C phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp ngày 19/4/2019 theo Biên lai số 0016304 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ. Anh T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sung quỹ Nhà nước.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi Cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- UBND xã Hóa Trung;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Vũ Thị An